

Số: 536 /CBTT-HNS

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Về việc bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL

- Mã chứng khoán: HMG
- Địa chỉ: Số 20 - Tôn Thất Tùng - Quận Đống Đa - TP Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024. 38521115 máy lẻ 306 Fax: 024.38523851
- E-mail: hns@hns.com.vn

II. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL xin công bố thông tin về việc bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

- Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

Tài liệu bổ sung nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được đăng tải trên Website Công ty: www.hns.com.vn, mục quan hệ cổ đông.

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/04/2025 tại đường dẫn www.hns.com.vn, mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD (b/c)
- Lưu: VT, TK Cty.

* Tài liệu đính kèm:
Tài liệu liên quan đến
nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Thị Hoa Lý

Số: 411 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - VNSTEEL kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

I./ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024)

Đơn vị tính: đồng VN

Stt	Nội dung	31/12/2024	01/01/2024
I	Tài sản ngắn hạn	375,386,260,182	389,937,352,520
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	13,516,440,299	5,390,843,746
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,000,000,000	10,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	346,653,462,505	365,735,509,532
4	Hàng tồn kho	4,365,979,341	8,211,772,093
5	Tài sản ngắn hạn khác	850,378,037	599,227,149
II	Tài sản dài hạn	13,838,199,187	12,851,072,627
1	Các khoản phải thu dài hạn	152,060,000	104,540,000
2	Tài sản cố định	9,218,240,064	9,779,529,510
	- Tài sản cố định hữu hình	8,756,719,064	9,318,008,510
	+ Nguyên giá	64,516,997,383	63,842,203,736
	+ Giá trị hao mòn lũy kế	-55,760,278,319	-54,524,195,226
	- Tài sản cố định vô hình	461,521,000	461,521,000
	+ Nguyên giá	729,211,000	729,211,000
	+ Giá trị hao mòn lũy kế	-267,690,000	-267,690,000
3	Tài sản dài hạn khác	4,467,899,123	2,967,003,117
	Tổng cộng tài sản	389,224,459,369	402,788,425,147
III	Nợ phải trả	281,946,046,157	297,943,665,659
1	Nợ ngắn hạn	281,946,046,157	297,943,665,659
	Vay và nợ ngắn hạn	190,560,752,071	188,772,724,296
	Phải trả người bán	16,169,007,056	19,745,225,276
	Người mua trả tiền trước	437,183,290	458,302,276
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5,146,570,982	7,870,716,755
	Phải trả người lao động	14,525,875,751	13,324,841,426
	Chi phí phải trả	394,562,032	424,201,673
	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	54,424,387,958	67,180,056,440
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	287,707,017	167,597,517
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	107,278,413,212	104,844,759,488
1	Vốn chủ sở hữu	107,278,413,212	104,844,759,488
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90,000,000,000	90,000,000,000
	- Các quỹ	3,599,851,779	3,599,851,779
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13,678,561,433	11,244,907,709
	Tổng cộng nguồn vốn	389,224,459,369	402,788,425,147

II/. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng VN

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	4,071,458,084,709
2	Các khoản giảm trừ	3,420,306,310
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	4,068,037,778,399
4	Giá vốn hàng bán	3,997,147,253,737
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	70,890,524,662
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9,544,795,516
7	Chi phí tài chính	15,035,904,620
8	Chi phí bán hàng	15,668,555,749
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34,315,174,480
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	15,415,685,329
11	Thu nhập khác	1,288,153,971
12	Chi phí khác	666,128,786
13	Lợi nhuận khác	622,025,185
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,037,710,514
15	Thuế TNDN hiện hành	4,735,056,790
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11,302,653,724
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,256

III./ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1	Cơ cấu tài sản	%		
	-Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản		3.6	3.2
	-Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản		96.4	96.8
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	-Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn		72.4	73.9
	-Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn		27.6	26.0
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	-Khả năng thanh toán nhanh		1.32	1.28
	-Khả năng thanh toán hiện hành		1.33	1.31
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân		2.85%	2.74%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần		0.28%	0.25%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH bình quân		10.66%	9.85%

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- TV HĐQT; BKS
- TK CTy;
- Lưu VT; TCKT

guy



Lê Minh Tú